

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Chile
trong tháng 12/2024

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định CPTPP năm 2024”

Hà Nội, 2024

Tình hình kinh tế, thương mại nổi bật của thị trường đối tác trong tháng

Tình hình thương mại của thị trường trong tháng

Canada đã công bố thâm hụt thương mại là 1,26 tỷ CAD vào tháng 9/2024. Đây là thâm hụt thương mại hàng tháng thứ bảy liên tiếp.

- **Xuất khẩu:** Nền kinh tế của Chile phụ thuộc rất nhiều vào đồng xuất khẩu (chiếm 45% tổng doanh thu). Các sản phẩm sản xuất khẩu phi khoáng sản quan trọng nhất là sản phẩm (36%), hóa chất (9%) và nông nghiệp/chăn nuôi, lâm nghiệp và đánh bắt cá (7%). Các đối tác xuất khẩu chính là: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, và Brazil.

- **Nhập khẩu:** Các mặt hàng nhập khẩu chính của Chile là hàng tiêu dùng (chiếm 30% tổng lượng nhập khẩu), các sản phẩm năng lượng bao gồm dầu thô và dầu tinh chế, than, khí đốt và chất bôi trơn (chiếm 21 phần cent tổng lượng mua); hóa chất (6%); sản phẩm kim loại (5%); ô tô, quần áo, phụ tùng, máy móc và thiết bị khác và xe tải và xe trượt hàng.

Bảng 1: Một số nguồn cung có kim ngạch nhập khẩu hàng hoá trên 100 triệu USD vào Chile tháng 9 và 9 tháng năm 2024

Đơn vị tính: nghìn USD

Nguồn cung	Tháng 9/2024		9 tháng năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	KNNK (nghìn USD)	So T9/2023 (%)	KNNK (nghìn USD)	So 9T/2023 (%)	9T/2024	N2023
Tổng KNNK	6.246.764	-3,29	58.607.795	-3,55	100,00	100,00
Trung Quốc	1.605.715	8,89	13.803.875	3,55	23,55	22,31
Hoa Kỳ	1.038.993	-25,07	11.612.752	-6,99	19,81	20,23
Braxin	508.883	-9,21	5.583.967	-16,19	9,53	10,96
Achentina	593.365	28,82	5.094.689	22,30	8,69	7,05

Nguồn cung	Tháng 9/2024		9 tháng năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	KNNK (nghìn USD)	Số T9/2023 (%)	KNNK (nghìn USD)	Số 9T/2023 (%)	9T/2024	N2023
Đức	211.193	-18,25	2.026.018	-8,64	3,46	3,53
Pêru	149.449	11,31	1.482.107	10,79	2,53	2,17
Mêhicô	162.105	7,54	1.437.278	3,50	2,45	2,19
Tây Ban Nha	175.910	23,91	1.370.166	-2,72	2,34	2,26
Nhật Bản	148.029	-8,28	1.358.025	-14,84	2,32	2,77
Italia	163.431	10,04	1.158.903	5,74	1,98	1,79
Hàn Quốc	85.347	-9,72	1.038.576	4,99	1,77	1,62
Việt Nam	109.755	-3,48	899.085	1,01	1,53	1,39
Côlombia	86.109	10,72	864.801	-8,60	1,48	1,47
Pháp	83.630	2,20	861.326	-6,10	1,47	1,49
Ấn Độ	95.947	-5,88	855.980	-6,84	1,46	1,63
Paragoay	76.613	-2,40	824.180	-3,03	1,41	1,58
Êcuado	72.027	-15,19	701.049	-11,73	1,20	1,39
Các khu vực châu Âu khác (trừ EU)	45.468	-41,85	470.732	-36,75	0,80	1,17
Canada	48.428	-27,90	431.274	-34,66	0,74	1,03
Thái Lan	67.394	26,53	416.463	-2,63	0,71	0,71
Anh	44.008	-19,76	378.466	1,12	0,65	0,64
Hà Lan	35.052	-0,98	375.778	-5,47	0,64	0,64
Bỉ	32.823	-8,32	369.198	2,61	0,63	0,63
Trinidad and Tobago	34.231	-27,63	358.706	-26,02	0,61	0,76
Thụy Điển	44.836	-19,57	348.425	-12,14	0,59	0,63

Nguồn cung	Tháng 9/2024		9 tháng năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	KNNK (nghìn USD)	So T9/2023 (%)	KNNK (nghìn USD)	So 9T/2023 (%)	9T/2024	N2023
Thổ Nhĩ Kỳ	46.202	11,38	299.245	9,46	0,51	0,46
Indônêsi	31.809	25,93	281.580	24,32	0,48	0,42
Phần Lan	31.480	-22,63	258.416	-11,87	0,44	0,47
Áo	31.727	-10,52	234.379	-12,70	0,40	0,42
Thụy Sĩ	25.999	4,26	220.231	-3,79	0,38	0,38
Ba Lan	27.226	64,16	216.009	25,91	0,37	0,29
Uruguay	18.543	-38,80	214.941	-15,20	0,37	0,42
Úc	15.239	-46,99	200.345	-57,66	0,34	0,72
Na Uy	37.950	928,46	182.459	-1,80	0,31	0,25
Bănglăđet	27.144	91,38	174.240	30,51	0,30	0,24
Đan Mạch	18.197	-16,38	168.170	-29,77	0,29	0,36
Ai Len	11.011	-50,07	157.136	-4,33	0,27	0,26
Đài Loan	18.093	-2,30	155.075	-10,30	0,26	0,28
Malaysia	13.745	-16,39	145.238	10,86	0,25	0,21
Bolivia	11.293	-27,85	102.088	-24,51	0,17	0,24
Goatêmal	7.651	-23,60	101.629	-19,01	0,17	0,19

Nguồn: Thống kê từ số liệu trademap.org

Theo số liệu của Trademap, kim ngạch nhập khẩu của Chile trong tháng 9/2024 giảm 3,29% so với tháng 9/2023 và 9 tháng đầu năm 2024 giảm 3,55% so với cùng kỳ năm trước, đạt 58,61 tỷ USD.

Trung Quốc là nguồn cung lớn nhất của Chile, chiếm 23,55% tỷ trọng về kim ngạch nhập khẩu trong cơ cấu các nguồn cung của Chile - tăng so với mức tỷ

trọng 22,31 trong năm 2023. Điều này có nghĩa thị phần hàng hóa của Trung Quốc tại Chile ngày càng tăng.

Hoa Kỳ là nguồn cung lớn thứ hai nhưng nhập khẩu của Chile từ Hoa Kỳ có xu hướng giảm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ trong 9 tháng năm 2024 giảm 6,99% so với cùng kỳ 9 tháng năm 2023, chiếm 19,81% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Chile, giảm so với mức tỷ trọng 20,23% trong năm 2023.

Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 12 trong cơ cấu các nguồn cung của Chile. Thống kê theo số liệu trademap, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng từ Việt Nam của Chile 9 tháng năm 2024 chỉ chiếm 1,53% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của Chile từ tất cả các nguồn cung. Tuy nhiên, mức tỷ trọng này đã tăng so với mức 1,39% của năm 2023.

Tình hình xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với thị trường trong tháng

Xuất khẩu hàng hoá cao hơn nhập khẩu dẫn đến thương mại đạt thặng dư. Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan, trong xuất nhập khẩu hàng hoá với Chile, Việt Nam đạt thặng dư 912,9 triệu USD trong 11 tháng năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Chile 11 tháng năm 2024 tăng 7,37% so với cùng kỳ năm 2023, ước cả năm 2024 sẽ tăng 7,45% so với năm 2023, đạt khoảng 1,28 tỷ USD.

Nếu so sánh với thời điểm trước khi hiệp định CPTPP có hiệu lực thì thấy xuất khẩu hàng hoá sang Chile 11 tháng năm 2024 tăng tới 330,89% so với 11 tháng năm 2018 (trước khi CPTPP có hiệu lực) và tăng 355,44% so với 11 tháng năm 2019 (năm đầu tiên CPTPP chính thức có hiệu lực).

Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Chile chủ yếu là hàng tiêu dùng như: điện thoại các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng dệt may; giày dép các loại; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện;

thủy sản; cà phê; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ... Trong số đó điện thoại các loại và linh kiện là mặt hàng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Chile.

Bảng 2: Kim ngạch xuất khẩu một số hàng hoá của Việt Nam sang Chile 11 tháng và ước cả năm 2024

Tên nhóm/mặt hàng	11 tháng năm 2024		Ước năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	11T/2024 (nghìn USD)	So 11T/2023 (%)	N2024 (nghìn USD)	So N2023 (%)	N2024	N2023
*TỔNG TRỊ GIÁ	1.216.337	7,37	1.284.154	7,45	100,00	100,00
Hàng thủy sản	21.999	9,01	29.767	30,56	2,34	1,91
Cà phê	7.812	9,9	7.812	9,90	0,62	0,59
Gạo	899	-73,43	899	-73,43	0,07	0,28
Clanhke và xi măng	10.800	-0,88	12.560	-3,67	0,99	1,09
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	5.565	-21,04	5.935	-24,02	0,47	0,65
Gỗ và sản phẩm gỗ	10.610	-17,09	11.428	-19,52	0,90	1,19
Xơ, sợi dệt các loại	9.774	34,53	10.378	35,05	0,82	0,64
Hàng dệt, may	66.141	-24,82	71.492	-24,46	5,63	7,92
Giày dép các loại	135.984	20,95	155.595	25,58	12,25	10,37
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	3.362	-10,66	3.490	-12,85	0,27	0,34
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	90.085	-14,34	101.939	-7,03	8,03	9,17

Tên nhóm/mặt hàng	11 tháng năm 2024		Ước năm 2024		Tỷ trọng (%)	
	11T/2024 (nghìn USD)	So 11T/2023 (%)	N2024 (nghìn USD)	So N2023 (%)	N2024	N2023
Điện thoại các loại và linh kiện	416.403	-12,84	453.493	-8,35	35,71	41,40
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	273.490	116,67	273.634	113,62	21,54	10,72
Phương tiện vận tải và phụ tùng	27.252	3,53	29.169	0,45	2,30	2,43
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	3.606	-0,3	4.164	-5,76	0,33	0,37

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu hải quan

Tuy nhiên, xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện sang Chile có xu hướng giảm từ mấy tháng trở lại đây khiến kim ngạch xuất khẩu mặt hàng 11 tháng năm 2024 giảm 12,84% so với cùng kỳ năm trước, đạt 416,4 triệu USD, ước cả năm 2024 sẽ đạt 453,5 triệu USD, giảm khoảng 8,35% so với năm 2023.

Ngược lại, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu sang Chile cao thứ hai của Việt Nam, có mức tăng trưởng rất cao. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 273,49 triệu USD trong 11 tháng năm 2024, tăng đến 116,67% so với cùng kỳ năm trước, ước cả năm 2024 sẽ đạt khoảng 273,63 triệu USD, tăng 113,62% so với năm 2023.

Nhóm hàng nông thủy sản tuy là các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam nhưng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này sang Chile không cao, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam chưa tận dụng được nhiều ưu đãi theo cam kết trong các Hiệp định thương mại song phương và đa phương với Chile, đặc biệt là Hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP. Thống kê sơ bộ số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu thủy sản 11 tháng đầu năm 2024 sang Chile tăng 9,01% so với cùng kỳ

năm trước, đạt gần 22 triệu USD nhưng chỉ chiếm 2,3% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng sang Chile. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Chile tuy tăng 9,9%, đạt 7,8 triệu USD nhưng chỉ chiếm 0,6% tỷ trọng trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu sang Chile.